

Số: 02 /2016/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Xây dựng - Sở Tài chính - Ban chỉ đạo Giải phóng mặt bằng thành phố - Cục Thuế thành phố Hà Nội tại tờ trình số 13871/TTrLN:SXD-STC-BCĐGPMB-CT ngày 21 tháng 12 năm 2015; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 14/STP-VBPQ ngày 05 tháng 01 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi tiết trong phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2016 và thay thế Quyết định số 95/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc không điều chỉnh đơn giá theo Quyết định này.



2. Đối với những dự án, hạng mục chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá tại Quyết định này.

3. Việc áp dụng đơn giá có thuế giá trị gia tăng và không có thuế giá trị gia tăng tại quyết định này được tổ chức thực hiện như sau:

- Đơn giá làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các cá nhân, hộ gia đình là đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính).

- Đơn giá làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp (căn cứ trên cơ sở hồ sơ xác nhận của Chi cục Thuế cấp huyện):

+ Trường hợp tài sản đã kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào: Áp dụng đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

+ Trường hợp tài sản không kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào: Áp dụng đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế cấp huyện quản lý các tổ chức, doanh nghiệp và hộ kinh doanh phối hợp cung cấp thông tin về việc kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng của tài sản hoặc hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ việc hình thành tài sản của các đối tượng này để áp dụng đơn giá làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *N*

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, XD, TC, TP;
- Các Phó chủ tịch UBND Thành phố;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND&ĐDBQHNN;
- VP UBND TP: Các PCVP, TH, các phòng CV;
- Trung tâm TH công báo Thành phố;
- Lưu: VT, TN.

40516 (130)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

**BẢNG GIÁ XÂY DỰNG MỚI NHÀ Ở**

(Kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 21 /01/2016 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	LOẠI NHÀ	Đơn giá xây dựng (đồng/m <sup>2</sup> sàn xây dựng)	
		Chưa bao gồm VAT	Đã bao gồm VAT
1	Nhà 1 tầng, tường 110 bổ trụ, tường bao quanh cao >3m (không tính chiều cao tường thu hồi), mái ngói hoặc mái tôn (không có trần), nền lát gạch ceramic.		
a	Nhà có khu phụ	2.222.000	2.444.000
b	Nhà không có khu phụ	2.007.000	2.208.000
2	Nhà 1 tầng, tường 220, tường bao quanh cao >3m (không tính chiều cao tường thu hồi), mái ngói hoặc mái tôn (không có trần), nền lát gạch ceramic.		
a	Nhà có khu phụ	2.547.000	2.802.000
b	Nhà không có khu phụ	2.226.000	2.449.000
3	Nhà 1 tầng, mái bằng bê tông cốt thép		
a	Nhà có khu phụ	3.781.000	4.159.000
b	Nhà không có khu phụ	3.057.000	3.363.000
1	Nhà cao từ 2 đến 3 tầng, tường xây gạch, mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên lợp tôn hoặc mái ngói.	5.225.000	5.747.000
2	Nhà cao từ 4 đến 5 tầng mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên lợp tôn; móng không gia cố bằng cọc BTCT.	5.305.000	5.835.000
3	Nhà cao từ 4 đến 5 tầng mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên lợp tôn; móng gia cố bằng cọc BTCT.	6.085.000	6.694.000
4	Dạng nhà ở chung cư cao từ 6 đến 8 tầng mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên lợp tôn; móng không gia cố bằng cọc BTCT.	5.664.000	6.231.000
5	Dạng nhà ở chung cư cao từ 6 đến 8 tầng mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên	6.292.000	6.921.000

STT	LOẠI NHÀ	Đơn giá xây dựng (đồng/m <sup>2</sup> sàn xây dựng)	
		Chưa bao gồm VAT	Đã bao gồm VAT
	lợp tôn; móng gia cố bằng cọc BTCT.		
6	Nhà ở riêng lẻ cao từ 6 đến 8 tầng mái bằng BTCT hoặc mái bằng BTCT trên lợp tôn, móng gia cố bằng cọc BTCT.	5.438.000	5.981.500
1	Nhà cao từ 2 đến 3 tầng, tường xây gạch, mái bằng BTCT.	6.559.000	7.215.000
2	Nhà cao từ 4 đến 5 tầng, tường xây gạch, mái bằng BTCT.	6.683.000	7.351.000

**Ghi chú:**

- Nhà 1 tầng loại có khu phụ trong đơn giá đã bao gồm bể nước và bể phốt.
- Nhà 1 tầng loại không có khu phụ trong đơn giá chưa bao gồm bể nước và bể phốt.
- Nhà 1 tầng loại 1 và loại 2 trong đơn giá chưa bao gồm trần phụ. Trường hợp có trần thì được tính thêm theo nguyên tắc giá nhà có trần bằng giá của cấp, loại nhà tương ứng tại bảng giá trên cộng với giá trần của công trình cần xác định giá (việc xác định đơn giá trần được vận dụng tương tự như nội dung xác định đơn giá nhà, công trình quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 11, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội).
- Nhà ở riêng lẻ xây dạng “biệt thự” là loại nhà cao từ 2 đến 3 tầng và nhà cao từ 4 đến 5 tầng, có ít nhất từ 3 mặt thoáng trông ra sân, vườn. Trong đơn giá chưa bao gồm chi phí xây dựng sân, vườn, tường rào; trường hợp nhà có sân, vườn, tường rào thì được tính thêm các chi phí trên vào đơn giá (việc xác định đơn giá sân, vườn, tường rào được vận dụng tương tự như nội dung xác định đơn giá vật kiến trúc theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3, Điều 11, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội).

**BẢNG GIÁ XÂY DỰNG MỚI CÁC LOẠI NHÀ**

(Kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 21 /01/2016 của UBND thành phố Hà Nội)

Cấp, loại công trình		LOẠI NHÀ	Đơn giá xây dựng (đồng/m <sup>2</sup> sàn xây dựng)	
Cấp	Loại		Chưa bao gồm VAT	Đã bao gồm VAT
Nhà kho, nhà xưởng	1	Nhà xưởng kết cấu móng bê tông, cột thép, tường vách tôn hoặc tường gạch, mái lợp tôn hoặc tấm phibro, không có cầu trục.	2.245.000	2.469.000
	2	Nhà xưởng kết cấu móng, cột bê tông cốt thép tường vách tôn hoặc tường gạch, mái lợp tôn hoặc tấm phibro, không có cầu trục.	2.368.000	2.605.000

**Ghi chú:** Đơn giá loại nhà kho, nhà xưởng chưa bao gồm chi phí thiết bị.

**BẢNG GIÁ XÂY DỰNG MỚI NHÀ TẠM, VẬT KIẾN TRÚC**  
(Kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 21 /01/2016 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	NHÀ TẠM VẬT KIẾN TRÚC	Đơn vị tính	Đơn giá xây dựng (đồng/m <sup>2</sup> sàn xây dựng)	
			Chưa bao gồm VAT	Đã bao gồm VAT
<b>I</b>	<b>Nhà tạm</b>			
1	Tường xây gạch 220, cao ≤ 3m (không tính chiều cao tường thu hồi) nền lát gạch xi măng, gạch chỉ hoặc láng xi măng có đánh màu.	m <sup>2</sup>	1.867.000	2.054.000
2	Tường xây gạch 110, cao 3m trở xuống (không tính chiều cao tường thu hồi) nền lát gạch xi măng, gạch chỉ hoặc láng xi măng có đánh màu.			
a	Nhà có khu phụ, mái ngói, fibrôximăng hoặc tôn, nền lát gạch xi măng.	m <sup>2</sup>	1.485.000	1.633.000
b	Nhà không có khu phụ, mái ngói, phibrôximăng hoặc tôn, nền lát gạch xi măng.	m <sup>2</sup>	1.227.000	1.350.000
c	Nhà không có khu phụ, mái ngói, phibrôximăng hoặc tôn, nền láng xi măng	m <sup>2</sup>	1.182.000	1.300.000
d	Nhà không có khu phụ, mái giấy dầu, nền láng xi măng	m <sup>2</sup>	932.000	1.025.000
3	Nhà tạm vách cốt, mái giấy dầu hoặc mái lá	m <sup>2</sup>	404.000	444.000
<b>II</b>	<b>Nhà bán mái</b>			
1	Nhà bán mái tường xây gạch 220 cao ≤ 3m (không tính chiều cao tường thu hồi) mái ngói, phibrôximăng hoặc tôn	m <sup>2</sup>	1.198.000	1.318.000
2	Nhà bán mái tường xây gạch 110 cao ≤ 3m (không tính chiều cao tường thu hồi)			
a	Mái ngói, phibrôximăng hoặc tôn	m <sup>2</sup>	1.080.000	1.188.000
b	Mái giấy dầu	m <sup>2</sup>	943.000	1.037.000
<b>III</b>	<b>Nhà sàn</b>			
1	Gỗ tứ thiết đường kính cột > 30 cm	m <sup>2</sup>	1.510.000	1.661.000

2	Gỗ tứ thiết đường kính cột < 30 cm	m2	1.287.000	1.416.000
3	Gỗ hồng sắc (Hoặc cột bê tông) đường kính cột > 30 cm	m2	1.183.000	1.301.000
4	Gỗ hồng sắc (Hoặc cột bê tông) đường kính cột < 30 cm	m2	1.077.000	1.185.000
5	Nhà sàn khung gỗ bạch đàn, sàn gỗ, lợp lá cọ	m2	649.000	714.000
<b>IV</b>	<b>Quán</b>			
1	Cột tre, mái lá, nền đất	m2	130.000	143.000
2	Cột tre, mái lá, nền láng xi măng	m2	193.000	212.000
<b>V</b>	<b>Sân, đường</b>			
1	Lát gạch đất nung đỏ 30x30	m2	243.000	267.000
2	Lát gạch chỉ	m2	166.000	183.000
3	Lát gạch bê tông xi măng	m2	195.000	215.000
4	Lát gạch lá dừa, gạch đất 20x20	m2	184.000	202.000
5	Lát gạch xi măng hoa	m2	263.000	289.000
6	Bê tông	m2	251.000	276.000
7	Đường rải cấp phối đá ong hoặc rải đá	m2	65.000	72.000
8	Láng xi măng (hoặc đổ vữa tam hợp)	m2	119.000	131.000
9	Nền Granitô	m2	304.000	334.000
<b>VI</b>	<b>Tường rào</b>			
1	Tường gạch chỉ 110, xây cao 2m, móng gạch, có bổ trụ.	m2	594.000	653.000
2	Tường gạch chỉ 220, xây cao 2m, móng gạch, có bổ trụ.	m2	1.040.000	1.144.000
3	Xây tường, kê bằng đá hộc	m3	967.000	1.064.000
4	Xây tường rào gạch đá ong	m2	436.000	480.000
5	Hoa sắt	m2	471.000	518.000
6	Khung sắt góc lưới B40	m2	232.000	255.000
7	Dây thép gai (Bao gồm cả cọc)	m2	105.000	115.000
<b>VII</b>	<b>Mái vẩy</b>			
1	Tấm nhựa hoặc phibrôximăng (đã bao gồm hệ khung thép đỡ)	m2	248.000	273.000
2	Ngói hoặc tôn (đã bao gồm hệ khung thép đỡ)	m2	387.000	426.000
<b>VIII</b>	<b>Các công trình khác</b>			
1	Gác xếp bê tông	m2	795.000	874.000
2	Gác xếp gỗ	m2	401.000	441.000
3	Bể nước	m3	2.443.000	2.687.000
4	Bể phốt	m3	2.904.000	3.194.000
5	Giếng khơi xây gạch, bê tông hoặc đá	m sâu	936.000	1.029.000

6	Giếng khoan sâu $\leq 25m$	1 giếng	2.336.000	2.569.000
7	Giếng khoan sâu $> 25m$	1 giếng	2.918.000	3.209.000
8	Rãnh thoát nước xây gạch có nắp BTCT	md	529.000	582.000
<b>IX</b>	<b>Cây hương</b>	cây	1.500.000	1.650.000
<b>X</b>	<b>Di chuyển mộ</b>			
1	Mộ đất (Đơn giá đã bao gồm: Công đào, khiêng chuyển, hạ, chôn đắp mộ, kích thước hố đào: Dài 2,2m x rộng 0,8m x sâu 1,5m).	ngôi	4.387.000	4.826.000
2	Mộ xây			
2.1	Mộ xây bằng gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8m).	ngôi	10.332.000	11.366.000
2.2	Mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8m).	ngôi	12.710.000	13.981.000
2.3	Mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m).	ngôi	5.581.000	6.139.000

**Ghi chú:**

1. Giá xây dựng nhà tạm chưa bao gồm bể nước, bể phốt.
2. Đơn giá di chuyển mộ được áp dụng cụ thể như sau:
  - 2.1. Đối với những mộ có kích thước trong khoảng nhỏ hơn kích thước (hoặc khối tích) quy định tại điểm 2.3 mục X nêu trên được vận dụng đơn giá di chuyển mộ quy định tại điểm 2.3 mục X.
  - 2.2. Đối với những mộ có kích thước nhỏ hơn kích thước quy định tại điểm 2.1, 2.2 mục X nhưng lớn hơn kích thước (hoặc khối tích) tại điểm 2.3 mục X nêu trên được vận dụng đơn giá di chuyển mộ quy định tại điểm 2.1, 2.2 mục X (tùy thuộc từng vật liệu hoàn thiện mộ).
  - 2.3. Các trường hợp khác như kích thước lớn hơn hoặc những mộ có kiến trúc đặc thù thực hiện theo các khoản 2, khoản 3, Điều 11, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.
3. Đơn giá bể nước là đơn giá nhà đơn giá xây mới đối với các loại bể nước sinh hoạt thông thường, sử dụng tại các hộ gia đình, có đáy và nắp bể được đổ bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 220 (dạng bể kín).
4. Đơn giá xây dựng tường rào là đơn giá xây dựng mới đối với các loại tường rào có kết cấu xây cao 2m, móng gạch, có bở trụ.
5. Đối với các đơn giá không có trong bảng giá công bố kèm theo Quyết định này, UBND cấp huyện thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3, Điều 11, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.



UBND thành phố Hà Nội và các quy định có nội dung trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Giao thông Vận tải, Quy hoạch Kiến trúc, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm tin học Công báo; Cổng Giao tiếp điện tử TP Hà Nội;
- Các báo, đài Thành phố Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP UBND TP;
- các phòng CV, VX, TH;
- Lưu: VT, Vxh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Sơn**

## QUY CHẾ

**Quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hoạt động quảng cáo ngoài trời và phân công trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong quản lý nhà nước về quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND Thành phố; UBND quận, huyện, thị xã; UBND phường, xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý đối với các hoạt động quảng cáo ngoài trời**

Hoạt động quảng cáo ngoài trời phải tuân theo các quy định của Luật Quảng cáo và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành; các quy định khác của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy hoạch, không gian, cảnh quan, kiến trúc của Thành phố Hà Nội.

#### **Điều 4. Phương tiện quảng cáo ngoài trời**

1. Bảng quảng cáo, hộp đèn, bảng điện tử chạy chữ, màn hình chuyên quảng cáo, quảng cáo dạng chữ, băng rôn, biển hiệu.
2. Phương tiện giao thông.
3. Người chuyên tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo.
4. Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Giải thích từ ngữ**

Một số từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Mái nhà: Là bộ phận bao che và chịu lực ở trên cùng của ngôi nhà.
2. Tầng trên cùng: Là tầng có mái che cao nhất của ngôi nhà.
3. Mặt tiền công trình, nhà ở: Là mặt chính của công trình có lối vào tiếp giáp với lối đi lại của khu vực, gắn với số nhà và được công nhận tại các giấy tờ có giá trị pháp lý.

4. Mặt tường bên công trình, nhà ở: Là các mặt nhà tiếp giáp mặt tiền của công trình, nhà ở.
5. Công trình cao tầng: Là công trình có số tầng 09 tầng trở lên.
6. Khu vực khuôn viên là ranh giới được thể hiện tại giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.
7. Nội thành: Là khu vực các quận của thành phố Hà Nội.
8. Ngoại thành: Là khu vực các huyện, thị xã của thành phố Hà Nội.
9. Bảng quảng cáo tấm lớn có diện tích một mặt từ 40 m<sup>2</sup> trở lên.
10. Bảng quảng cáo tấm nhỏ có diện tích một mặt dưới 40 m<sup>2</sup>.

## **Chương II**

### **HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI**

#### **Mục 1**

#### **KHU VỰC KHÔNG QUẢNG CÁO VÀ KHU VỰC HẠN CHẾ QUẢNG CÁO**

##### **Điều 6. Khu vực không quảng cáo**

1. Khu vực Quảng trường Ba Đình được giới hạn bằng các tuyến đường, phố tiếp giáp nhau bao quanh quảng trường gồm: Phan Đình Phùng, Nguyễn Tri Phương, Điện Biên Phủ (từ Nguyễn Tri Phương), Trần Phú (từ Điện Biên Phủ), Hùng Vương.
2. Hồ Hoàn Kiếm và khu vực bao quanh hồ thuộc các tuyến phố: Lê Thái Tổ, Đinh Tiên Hoàng, Hàng Khay. Các tuyến phố tiếp giáp với khu vực Hồ Hoàn Kiếm: Hàng Trống, Hàng Hành, Bảo Khánh, Lương Văn Can, khu vực Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Lò Sũ, Trần Nguyên Hãn, Lê Lai, Lê Thạch, Đinh Lễ.
3. Khu vực phố cổ (theo Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/04/2004 của Bộ Văn hóa và Thông tin về việc xếp hạng di tích quốc gia di tích lịch sử khu phố cổ Hà Nội) được giới hạn bởi các phố sau: Hàng Đậu, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Hàng Thùng, Cầu Gỗ, Hàng Gai, Hàng Bông, Phùng Hưng.
4. Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; các di tích có trong danh mục kiểm kê của Thành phố; di tích cách mạng kháng chiến; khuôn viên nơi đặt tượng đài, bia tưởng niệm và cơ sở tôn giáo.
5. Trụ sở của cơ quan đảng, nhà nước các cấp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, doanh trại quân đội, trụ sở công an, đại sứ quán nước ngoài và các tổ chức quốc tế.
6. Khu vực phạm vi hành lang an toàn đường bộ tại các vị trí giao lộ, vòng xoay; hành lang an toàn đối với cầu, hầm đường bộ, đường sắt trong thành phố; trong phạm vi hành lang an toàn đường cao tốc.
7. Đất của đường bộ khu vực ngoài đô thị.

8. Các tầng là nhà ở thuộc công trình cao tầng.

9. Khu vực quy định tại khoản 1 đến khoản 7 Điều này được cổ động trực quan phục vụ những sự kiện chính trị - xã hội, quảng cáo cho nhà tài trợ trong khuôn khổ hoạt động sự kiện được cấp có thẩm quyền cho phép.

### **Điều 7. Khu vực hạn chế quảng cáo**

1. Khu vực Quảng trường 19/8 (Nhà hát lớn Thành phố), Quảng trường 1/5 (Cung Văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Xô), Trung tâm Hội nghị Quốc gia; các quảng trường, công viên thuộc thành phố và quận, huyện, thị xã được quảng cáo cho các sự kiện diễn ra tại khu vực.

2. Tuyến phố Tràng Tiền, Tràng Thi, Điện Biên Phủ (từ Hàng Bông đến Nguyễn Tri Phương), khu vực ngã 5 Cửa Nam, khu vực mặt tiền Ga Hà Nội, các tuyến đường bao quanh Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch được thực hiện quảng cáo của cơ sở trực tiếp kinh doanh giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thay thế cho biển hiệu.

3. Trên mặt các hồ nước của thành phố được quảng cáo cho các hoạt động trong khuôn khổ sự kiện được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Trên thân các cột đèn chiếu sáng đô thị được thực hiện băng rôn dọc theo quy định tại Điều 8.

## **Mục 2**

### **HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI PHẢI THỰC HIỆN THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO**

#### **Điều 8. Quảng cáo trên băng rôn**

1. Băng rôn tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội có nội dung quảng cáo và băng rôn quảng cáo cho chương trình biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, tổ chức sự kiện được thực hiện ở cấp thành phố; treo trên hệ thống giá treo - đỡ băng rôn thống nhất của Thành phố.

2. Kích thước băng rôn: Rộng 0,75 m x dài 2,5m.

3. Nội dung tuyên truyền phải dễ hiểu, ngắn gọn, xúc tích. Nội dung quảng cáo xã hội hóa là biểu trưng, lôgô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo phải đặt ở phía dưới cùng của băng rôn; diện tích thể hiện của biểu trưng, lôgô, nhãn hiệu hàng hóa không quá 20% diện tích băng rôn.

a. Chương trình biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm được quảng cáo tối đa 50 băng rôn/chương trình; thời gian treo băng rôn tối đa 10 ngày.

b. Chương trình an sinh xã hội được quảng cáo 500 băng rôn/chương trình, đối với từng chương trình được giải quyết số lượng băng rôn phù hợp với yêu cầu tuyên truyền và điều kiện thực tế; thời gian treo băng rôn tối đa 10 ngày.

c. Chương trình tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị có nội dung quảng cáo (xã hội hoá), được thực hiện về số lượng theo tính chất, quy mô của hoạt động, sự kiện; thời gian treo băng rôn tối đa 15 ngày.

4. Khi thực hiện tuyên truyền, quảng cáo trên hệ thống giá treo băng rôn quy định của Thành phố, các tổ chức thực hiện nộp phí dịch vụ treo, tháo dỡ và quản lý băng rôn trong thời gian quảng cáo với chủ đầu tư lắp đặt hệ thống giá treo – đỡ băng rôn.

#### **Điều 9. Quảng cáo bằng bảng quảng cáo đứng độc lập.**

1. Không quy hoạch mới công trình quảng cáo tấm lớn đứng độc lập trong khu vực nội thành.

2. Công trình quảng cáo đứng độc lập (bao gồm quảng cáo tấm lớn và quảng cáo có diện tích dưới 40m<sup>2</sup> hình thức tương tự quảng cáo tấm lớn), thực hiện theo Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố.

3. Tùy thuộc quy mô, địa điểm xây dựng công trình quảng cáo đứng độc lập phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn cho công trình, các công trình lân cận và các yêu cầu về: Độ cao tĩnh không, đảm bảo về bảo vệ môi trường, độ thông thủy, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa và khoảng cách đến các công trình dễ cháy nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

#### **Điều 10. Quảng cáo tại công trình, nhà ở riêng lẻ.**

1. Không quảng cáo trên nóc nhà hoặc che lấp nóc nhà, mái nhà. Số lượng, vị trí, chiều cao bảng quảng cáo tại công trình, nhà ở phải phù hợp với vị trí, quy mô, kích thước bề mặt công trình, hình thể ngôi nhà.

2. Bảng quảng cáo lắp đặt tại mặt tiền các công trình, nhà ở riêng lẻ:

2.1. Bảng quảng cáo ngang:

a. Mỗi tầng chỉ được đặt một bảng, chiều cao tối đa 2 m, chiều ngang không được vượt quá giới hạn chiều ngang mặt tiền công trình, nhà ở.

b. Vị trí: Ớp sát vào ban công, mái hiên, mép dưới bảng trùng với mép dưới của sàn ban công, mái hiên hoặc Ớp vào mặt tường nhà, mặt ngoài bảng quảng cáo nhô ra khỏi mặt tường nhà không quá 0,2m, không che chắn thông gió, chiếu sáng.

c. Quảng cáo dạng chữ gắn trực tiếp lên tường nhà được thực hiện tổng chiều cao các chữ tối đa 2m, chiều ngang các chữ không vượt quá giới hạn kết cấu tường có thể gắn chữ.

2.2. Bảng quảng cáo dọc:

a. Chiều ngang tối đa 1m, chiều cao tối đa 4m không vượt quá chiều cao của tầng công trình, nhà ở nơi đặt bảng quảng cáo.

b. Vị trí đặt: Ớp sát vào mặt tường đứng ngôi nhà.

3. Bảng quảng cáo treo, gắn, Ớp vào mặt tường bên công trình, nhà ở riêng lẻ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Đối với khu vực nội thành: Chiều cao bảng quảng cáo tối đa 5m, chiều dài không vượt quá giới hạn mặt tường tại vị trí đặt bảng. Số lượng không quá 02 bảng, tổng diện tích 02 bảng tối đa đến 40m<sup>2</sup>. Mặt tường bên công trình, nhà ở riêng lẻ tiếp giáp trực tiếp với hè đường giao thông từ ngã 3 của các đường, phố trở lên: Chiều cao bảng tối đa 2m.

b. Đối với khu vực ngoại thành: Chiều cao bảng tối đa 5m, chiều dài không vượt quá giới hạn mặt tường tại vị trí đặt bảng. Số lượng không quá 02 bảng.

c. Đối với công trình, nhà ở 4 tầng trở xuống, chiều cao của bảng quảng cáo ốp vào mặt tường bên không được nhô lên quá sànmái 1,5 m. Công trình, nhà ở 5 tầng trở lên toàn bộ diện tích mặt bảng quảng cáo phải gắn, ốp vào mặt tường bên.

4. Đối với các toà nhà cao tầng là khách sạn, trung tâm thương mại, trung tâm tài chính, ngân hàng, trung tâm hoạt động văn hoá đa năng, cao ốc trụ sở, văn phòng cho thuê được lắp đặt thêm bảng quảng cáo dạng chữ tại tầng trên cùng.

5. Toà nhà ở cao tầng trong khu đô thị, nhà chung cư cao tầng được quảng cáo tại tầng dịch vụ.

6. Bảng quảng cáo đặt tại mặt ngoài toà nhà cao tầng, công trình, nhà ở phải đảm bảo an toàn chịu lực, phòng chống cháy nổ, an toàn sinh mạng, thông gió, chiếu sáng. Bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m<sup>2</sup> kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình, nhà ở phải có giấy phép xây dựng theo Điều 31 Luật Quảng cáo.

7. Trong khuôn viên công trình đang xây dựng được lắp đặt hoặc thể hiện quảng cáo tạm thời vào mặt tường rào bao quanh công trình, nhưng không được gây ảnh hưởng đến công tác thi công, các hoạt động bình thường của các công trình lân cận và các hoạt động xung quanh khác.

8. Trong khuôn viên trung tâm thương mại, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe, bãi đỗ xe (được cơ quan có thẩm quyền giao đất hoạt động ổn định) được thực hiện quảng cáo có diện tích tối đa là 40 m<sup>2</sup>; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích dưới 40m<sup>2</sup> thực hiện theo quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố. Không quảng cáo tại các bãi đỗ xe tạm thời.

9. Trong các khu vực hạn chế xây dựng được đặt bảng quảng cáo có diện tích tối đa là 20m<sup>2</sup>.

10. Bảng quảng cáo sử dụng ánh sáng điện, đèn điện tử, đèn LED, đèn laze... thực hiện theo quy định.

**Điều 11. Quảng cáo tại nhà chờ xe buýt; trạm trung chuyển xe buýt, trạm rút tiền tự động của ngân hàng (trạm ATM)**

1. Không quảng cáo trên nóc nhà chờ xe buýt; không đặt bảng quảng cáo đứng độc lập trong khu vực nhà chờ xe buýt, trạm trung chuyển xe buýt.

2. Được thực hiện quảng cáo trong phạm vi nhà chờ xe buýt, trạm trung chuyển xe buýt.

3. Phía ngoài trạm ATM được quảng cáo tên gọi, tên viết tắt, nhãn hiệu của ngân hàng là chủ sở hữu máy. Mọi dịch vụ của Ngân hàng chỉ được quảng cáo bên trong trạm rút tiền tự động, đảm bảo mỹ quan đô thị.

#### **Điều 12. Quảng cáo trên dải phân cách của đường đô thị**

1. Quảng cáo tại dải phân cách của đường đô thị phải đảm bảo mỹ quan, không ảnh hưởng đến các quy chuẩn về giao thông và xây dựng; thực hiện thống nhất mẫu bảng quảng cáo trên cùng một tuyến đường.

2. Hình thức: Hộp đèn quảng cáo đứng độc lập.

3. Yêu cầu kỹ thuật: Theo quy định trong Bảng 2 “Yêu cầu kỹ thuật đối với hộp đèn đặt trên dải phân cách của đường đô thị” tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời có điều chỉnh trên thực tế từng tuyến đường đảm bảo phù hợp với địa hình cụ thể của khu vực và cảnh quan đô thị.

#### **Điều 13. Quảng cáo tại cầu vượt, đường hầm dành cho người đi bộ**

1. Vị trí quảng cáo: Treo, gắn trên lan can, tường tại mặt phía trong của cầu vượt, đường hầm dành cho người đi bộ.

2. Hình thức: Hộp đèn, bảng điện tử chạy chữ. Đối với hầm dành cho người đi bộ được đặt màn hình chuyên quảng cáo, diện tích bảng tối đa không quá 20m<sup>2</sup>, không được dùng âm thanh.

3. Đối với cầu vượt dành cho người đi bộ: Chiều cao bảng quảng cáo không vượt quá chiều cao lan can cầu, không ảnh hưởng đến mỹ quan của cầu và cảnh quan khu vực.

#### **Điều 14. Đoàn người thực hiện quảng cáo**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đoàn người quảng cáo phải thông báo tới Sở Văn hoá và Thể thao về nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo, thời gian và lộ trình thực hiện chậm nhất là 15 ngày trước ngày thực hiện quảng cáo.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện đoàn người quảng cáo, Sở Văn hoá và Thể thao trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý và nêu rõ lý do.

3. Đoàn người thực hiện quảng cáo phải bảo đảm trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội; tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động quảng cáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Mục 3**

#### **HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI KHÔNG PHẢI THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO**

**Điều 15. Quảng cáo trên phương tiện giao thông, màn hình chuyên quảng cáo.**

1. Quảng cáo trên phương tiện giao thông phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo và giao thông.

2. Màn hình chuyên quảng cáo lắp đặt ngoài trời phải tuân theo quy định của Luật Quảng cáo, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của thành phố Hà Nội.

3. Trường hợp quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố chưa được phê duyệt, về vị trí lắp đặt màn hình chuyên quảng cáo phải có ý kiến của Sở Văn hoá và Thể thao. Việc xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m<sup>2</sup> trở lên phải có giấy phép xây dựng.

4. Nội dung quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo, phương tiện giao thông phải tuân thủ các quy định của Luật Quảng cáo. Người quảng cáo, người thực hiện quảng cáo, người cho thuê phương tiện quảng cáo chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung quảng cáo.

#### **Điều 16. Biển hiệu**

1. Việc đặt biển hiệu phải tuân thủ các quy định của Luật Quảng cáo và yêu cầu sau:

1.1. Vị trí: Đặt ở công hoặc mặt trước của trụ sở hoặc nơi kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

1.2. Số lượng, kiểu dáng: 01(một) biển hiệu ngang hoặc biển hiệu dọc; bảo đảm mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội.

a. Biển hiệu ngang: Chiều cao tối đa là 2m, chiều dài không vượt quá chiều ngang mặt tiền nhà.

b. Biển hiệu dọc: Chiều ngang tối đa là 1m, chiều cao tối đa là 4m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu.

2. Biển hiệu có diện tích một mặt trên 20m<sup>2</sup> kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 31 Luật Quảng cáo.

3. Biển hiệu thực hiện dạng chữ gắn trực tiếp lên tường công trình, nhà ở được thực hiện tổng chiều cao các chữ tối đa 2m, chiều ngang các chữ không vượt quá giới hạn kết cấu tường có thể gắn chữ; đảm bảo mỹ quan và phù hợp với kiến trúc công trình.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ**

##### **Điều 17. Sở Văn hoá và Thể thao**

Sở Văn hoá và Thể thao là cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội; có các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố, trình UBND Thành phố phê duyệt.



2. Xây dựng trình UBND Thành phố ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố.

3. Tổ chức hướng dẫn thực hiện, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về quảng cáo; tập huấn về nghiệp vụ quản lý trong hoạt động quảng cáo.

4. Tiếp nhận, trả lời hồ sơ Thông báo sản phẩm quảng cáo theo quy định pháp luật.

5. Tiếp nhận hồ sơ, tham mưu UBND Thành phố cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam, địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Chủ trì thẩm định các đề án tuyên truyền theo hình thức xã hội hóa kết hợp quảng cáo cho nhà tài trợ, trình UBND Thành phố quyết định.

7. Chủ trì, phối hợp cùng các sở ngành, đơn vị có liên quan xác định vị trí lắp đặt, hình thức, chất liệu, kiểu dáng bảng quảng cáo tại dải phân cách, cầu vượt dành cho người đi bộ, đường hầm dành cho người đi bộ, nhà chờ xe buýt, trạm trung chuyển xe buýt; bến xe, bãi đỗ xe; tham mưu UBND Thành phố quyết định.

8. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, xử lý vi phạm về quảng cáo trên phương tiện giao thông.

9. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định pháp luật về quảng cáo trên địa bàn thành phố.

10. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Phòng Văn hoá và Thông tin quận, huyện, thị xã về công tác quản lý nhà nước hoạt động quảng cáo tại địa phương.

11. Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ việc quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố gửi về UBND thành phố Hà Nội và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của UBND Thành phố.

### **Điều 18. Sở Xây dựng**

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao thực hiện nội dung quy định tại khoản 7 Điều 17 Quy chế này.

3. Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo thuộc địa giới hành chính giữa hai (2) quận, huyện, thị xã trở lên và công trình quảng cáo gắn vào công trình, nhà ở xây dựng trên thửa đất trong các tuyến đường phố quy định tại Điểm e, g Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013

của UBND Thành phố về việc quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo thuộc thẩm quyền của UBND quận, huyện, thị xã.

5. Phối hợp với UBND quận, huyện, thị xã trong việc chỉ đạo UBND phường, xã, thị trấn quản lý, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng của công trình quảng cáo trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND Thành phố về Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng giữa Sở Xây dựng và UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố.

6. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về xây dựng công trình quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

#### **Điều 19. Sở Quy hoạch Kiến trúc**

1. Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các nội dung liên quan; phối hợp xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Tham gia ý kiến đối với một số vị trí quảng cáo trên tuyến đường trung tâm và khu vực quan trọng của thành phố khi có yêu cầu; phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao thực hiện nội dung quy định tại khoản 6 Điều 17 Quy chế này.

#### **Điều 20. Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phối hợp xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND Thành phố về quy trình, thủ tục liên quan đến sử dụng đất đai đối với các vị trí quảng cáo theo quy hoạch quảng cáo ngoài trời được UBND Thành phố phê duyệt.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về đất đai, môi trường của công trình quảng cáo theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

#### **Điều 21. Sở Giao thông Vận tải**

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao thực hiện nội dung quy định tại khoản 7 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn giao thông trong hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

4. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao trong quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quảng cáo trên phương tiện giao thông.

## **Điều 22. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Tham mưu trình UBND Thành phố chủ trương đầu tư các dự án quảng cáo có sử dụng đất trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Quảng cáo, Luật Đầu tư và Luật Đất đai.

3. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao phổ biến quy định của pháp luật về viết, đặt biển hiệu cho các tổ chức khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố Quy chế đấu thầu không gian công cộng, tài sản công đưa vào hoạt động kinh doanh quảng cáo.

## **Điều 23. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao, các sở, ngành liên quan và UBND quận, huyện, thị xã trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động quảng cáo.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí thành phố và các đơn vị cơ sở tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố.

3. Phối hợp với UBND quận, huyện, thị xã và Công an Thành phố xử lý các số điện thoại quảng cáo rao vặt treo, đặt, dán, viết, vẽ không đúng nơi quy định gây mất mỹ quan đô thị.

## **Điều 24. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Phối hợp xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố.

2. Có ý kiến về nội dung quảng cáo thuộc lĩnh vực của Sở quản lý cho cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo khi được yêu cầu.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của hoạt động quảng cáo thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

## **Điều 25. Sở Công thương**

1. Có ý kiến về nội dung quảng cáo đối với quảng cáo thương mại, quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực của Sở quản lý cho cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo khi được yêu cầu.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về nội dung quảng cáo thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

## **Điều 26. Sở Y tế**

1. Có ý kiến về nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực của Sở quản lý cho cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo khi được yêu cầu.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về nội dung biển hiệu, quảng cáo của các cơ sở y tế, phòng khám, nhà thuốc trên địa bàn thành phố; quản lý nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của Luật Quảng cáo và văn bản hướng dẫn thi hành; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

#### **Điều 27. Sở Ngoại vụ**

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao trong hoạt động quảng cáo có yếu tố nước ngoài:

1. Quảng cáo trong các sự kiện đối ngoại chính trị của Thành phố, sự kiện do tổ chức quốc tế thực hiện trên địa bàn thành phố; quảng cáo có nội dung, hình ảnh liên quan an ninh đối ngoại; quảng cáo về hội nghị, hội thảo quốc tế.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quảng cáo trong lĩnh vực đối ngoại theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

#### **Điều 28. Công an Thành phố**

1. Công an Thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông trong việc nắm bắt thông tin và xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động quảng cáo.

2. Thực hiện kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm Luật Quảng cáo đối với người phát tán tờ rơi tại các giao lộ, vòng xoay giao thông.

#### **Điều 29. Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy**

Kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân, cơ sở kinh doanh lắp đặt biển hiệu, bảng quảng cáo không đúng quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

#### **Điều 30. Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội**

Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **Điều 31. Cục Thuế Hà Nội**

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND quận, huyện, thị xã nắm thông tin về hoạt động kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế trong hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền.

#### **Điều 32. Sở, ngành Thành phố liên quan**

Các sở, ngành liên quan của Thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo theo quy định pháp luật và phân công của UBND Thành phố.

#### **Điều 33. UBND quận, huyện, thị xã**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Quảng cáo, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Quy chế này trên địa bàn quản lý.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về các hoạt động quảng cáo trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức, quản lý hoạt động quảng cáo rao vặt và biển hiệu trên địa bàn quản lý.

4. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố.

5. Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

6. Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo thuộc địa giới hành chính do mình quản lý quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND Thành phố về việc quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Lập Đề án tổ chức và quản lý treo băng rôn trên những tuyến phố thuộc địa bàn, ngoài những tuyến phố thực hiện ở cấp thành phố, phù hợp với quy hoạch quảng cáo ngoài trời của thành phố; thực hiện khi được Thành phố phê duyệt, phân cấp.

8. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và UBND phường, xã, thị trấn tổ chức việc kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm về hoạt động quảng cáo. Chủ trì tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng là biển hiệu, bảng quảng cáo vi phạm trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định hiện hành. Chỉ đạo hướng dẫn các hộ kinh doanh thực hiện biển hiệu theo quy định của Luật Quảng cáo khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

9. Căn cứ theo Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cần cho quảng cáo ngoài trời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình UBND Thành phố phê duyệt theo quy định.

10. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm việc quản lý quảng cáo trên địa bàn gửi Sở Văn hoá và Thể thao và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 34. UBND phường, xã, thị trấn**

UBND phường, xã, thị trấn trong phạm vi, quyền hạn của mình:

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước UBND quận, huyện, thị xã về các hoạt động quảng cáo trên địa bàn do mình quản lý.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của nhà nước và thành phố về hoạt động quảng

cáo, thực hiện Luật Quảng cáo và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, nội dung của Quy chế này trên địa bàn quản lý.

**Điều 35. Tổ chức thực hiện**

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo nếu vi phạm các quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Văn hoá và Thể thao, các sở, ban, ngành liên quan, UBND quận, huyện, thị xã và UBND phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quảng cáo và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về các vi phạm trong hoạt động quảng cáo trên địa bàn do mình quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, Sở Văn hoá và Thể thao có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Đỗ Hồng Sơn